

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 314/2022/KDTM-ST  
Ngày: 25-10-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Lương Quân
2. Bà Nguyễn Thị Hiếu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Phương-Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2022/TLST-KDTM ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5542/2022/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 8 năm 2022, Thông báo dời ngày xét xử số 5898/TB-TA ngày 14/9/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6085/2022/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần O.

Địa chỉ: Đường số 2, Khu công nghiệp T, phường T, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Đỗ Thanh V, sinh năm 1977; Địa chỉ: 54/4 tổ 10, Ấp B xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 02/GUQ ngày 10/6/2022).

*Bị đơn:* Công ty TNHH S

Địa chỉ trụ sở: 15/30 đường C, Phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ văn phòng: 22 đường 31E, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật của bị đơn:* Ông Lâm Hữu P, địa chỉ: 359 đường L, Phường M, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đỗ Thanh V là người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần O có bán sơn cao cấp dành cho gỗ cho Công ty TNHH S từ thời điểm đầu tháng 12 năm 2021 theo các đơn đặt hàng và giao hàng đến địa chỉ xưởng sản xuất do chỉ định của bên mua. Hai bên ký xác lập phần cam kết thanh toán trên đơn đặt hàng và có xác nhận công nợ thường xuyên. Đến cuối tháng 01/2022 thì phía bên Công ty TNHH S hứa hẹn thanh toán nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán công nợ cho Công ty Công ty O mặc dù Công ty Cổ phần O đã thông báo và nhắc nhở rất nhiều lần.

Căn cứ theo các Đơn đặt hàng mua bán ngày 27/12/2021, ngày 08/01/2022 và các bảng xác nhận công nợ ngày 31/12/2021, ngày 12/04/2022. Hiện nay Công ty TNHH S đang còn nợ tiền mua hàng của đơn đặt hàng ngày 27/12/2021 (14.239.000 đồng) và ngày 11/01/2022 (30.118.000 đồng). Tổng cộng là 44.357.000 đồng.

Mặc dù Công ty O đã thông báo và nhắc nhở nhiều lần nhưng Công ty S không thực hiện việc thanh toán cho Công ty O nên ngày 10/6/2022, Công ty O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty S thanh toán tổng số tiền hàng là 44.357.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 10/6/2022 là 2.706.659 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty S đã thanh toán cho Công ty O tổng số tiền là 20.646.000 đồng.

Và tính đến ngày xét xử (25/10/2022), Công ty S còn nợ lại 23.711.000 đồng tiền hàng và 4.846.270 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 28.557.270 đồng.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi của mình, Công ty Cổ phần O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm phải thanh toán cho Công ty O 23.711.000 đồng tiền hàng và 4.846.270 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 28.557.270 đồng.

\* Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, tại bản khai ngày 29/7/2022, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có trình bày ý kiến với nội dung: Công ty S xác nhận công nợ với Công ty O với số tiền 44.357.000 đồng và tiền lãi đến ngày 29/7/2022 là 3.648.506 đồng.

Tuy nhiên các đương sự không thống nhất được phương án thanh toán nên hòa giải không thành.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 18/10/2022 với nội dung yêu cầu cụ thể: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là buộc bị đơn Công ty S có trách nhiệm thanh toán số tiền hàng còn nợ lại là 23.711.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 4.846.270 đồng, tổng cộng là 28.557.270 đồng. Yêu cầu Công ty S tiếp tục trả tiền lãi trên số nợ gốc cho đến khi Công ty S thanh toán hết nợ và yêu cầu thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty S và người đại diện của bị đơn vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

*Việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

*Về nội dung:* Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán công nợ gốc còn thiếu và lãi suất do chậm thanh toán theo yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Công ty Cổ phần O có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH S về yêu cầu thanh toán tiền nợ mua hàng còn thiếu. Do đó xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh, đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn là pháp nhân có địa chỉ trụ sở tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần O ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Đỗ Thanh V trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hợp lệ nên chấp nhận.

Bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn nợ 23.711.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như các đơn đặt hàng ngày 13/12/2021; 20/12/2021, 27/12/2021, 08/01/2022, 14/01/2022; bảng kê đối chiếu công nợ ngày 31/12/2021, bảng kê đối chiếu công nợ ngày 12/4/2022; cam kết thanh toán, đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có hợp đồng mua bán hàng hóa do đó quyền, nghĩa vụ của các bên đã phát sinh, phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật Thương mại 2005.

Xét, tại bảng kê đối chiếu công nợ ngày 12/4/2022, bản khai ngày 29/7/2022 của bị đơn, các bên cùng xác nhận Công ty TNHH S còn nợ tiền mua hàng của Công ty Cổ phần O với số tiền 44.357.000 đồng nhưng chưa thực hiện việc thanh toán cho nguyên đơn.

Đồng thời trong thời hạn chuẩn bị xét xử mặc dù bị đơn có thanh toán cho nguyên đơn 20.646.000 đồng nhưng đến nay vẫn còn nợ lại 23.711.000 đồng chưa thanh toán hết.

Xét, theo thỏa thuận về thời gian thanh toán của các bên tại các đơn đặt hàng thì việc Công ty TNHH S không thanh toán tiền hàng là vi phạm nghĩa vụ cam kết nên yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần O đòi Công ty TNHH S có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ 23.711.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật Thương mại 2005.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán:

Công ty Cổ phần O yêu cầu Công ty TNHH S trả tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán theo mức lãi suất 1.3%/tháng trên số tiền nợ gốc 14.239.000 đồng đối với đơn hàng ngày 27/12/2021 tính từ ngày 11/01/2022 và 30.118.000 đồng đối với đơn hàng ngày 08/01/2021 tính từ ngày 26/01/2022. Số tiền lãi yêu cầu thanh toán tính đến ngày xét xử là 4.846.270 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo Điều 306 Luật thương mại năm 2005 quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”. Do Công ty TNHH S không thanh toán tiền nợ cho Công ty Cổ phần O nên yêu cầu của Công ty Cổ phần O đòi Công ty TNHH S trả tiền lãi do chậm thanh toán là có cơ sở để chấp nhận.

Tại Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định “Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 Luật Thương mại 2005 thì khi xác định mức lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 ngân hàng thương mại (ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán để quyết định mức lãi suất chậm trả...”.

Theo văn bản số 11778/HCM-TH ngày 18/10/2022 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thì lãi suất nợ quá hạn là 16.5%/năm, văn bản số 3763/CNTPHCM-TH của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/9/2022 thì lãi suất nợ quá hạn là 15.75%/năm; kèm theo văn bản số 563/TĐ-KHKD ngày 26/8/2021 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thì lãi suất nợ quá hạn bằng 15.75%/năm. Như vậy, lãi suất được áp dụng trong trường hợp này là 16%/năm, tương đương 1.33%/tháng. Do đó, mức lãi suất Công ty Cổ phần O yêu cầu là 1.3%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005.

Xét, bảng tính lãi quá hạn của nguyên đơn ngày 25/10/2022 thì số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán phù hợp với số tiền và thời gian thanh toán theo thỏa thuận của các bên tại đơn đặt hàng ngày 27/12/2021 và đơn đặt hàng ngày 08/01/2022.

Như vậy, tiền lãi Công ty TNHH S phải thanh toán cho Công ty Cổ phần O tính đến ngày 25/10/2022 là 4.846.270 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[4] *Về thời hạn thanh toán:* Nguyên đơn yêu cầu thanh toán ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét, bị đơn đã có văn bản xác nhận công nợ ngày 12/4/2022 nhưng từ đó đến nay bị đơn không thực hiện việc thanh toán đủ số tiền còn nợ cho nguyên đơn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử buộc bị đơn thanh toán ngay một lần tiền hàng còn nợ và tiền lãi theo đề nghị của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:*

Bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 24, 50, 55 và 306 Luật Thương mại năm 2005;

Luật án phí, lệ phí Tòa án năm 2015;

Luật Thi hành án Dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục kèm theo.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần O.

Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần O tổng số tiền 28.557.270 đồng, trong đó tiền hàng còn nợ là 23.711.000 đồng, tiền lãi 4.846.270 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần O không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần O 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2021/0006054 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

### 3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Phương**